

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TÀI

Số: 29/2005/QĐ-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TÀI

Ban hành "Quy chế công tác khí tượng hàng không dân dụng Việt Nam"

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TÀI

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 267/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế công tác khí tượng hàng không dân dụng Việt Nam".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (Bà) Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

Công tác khí tượng hàng không dân dụng Việt Nam

(ban hành kèm theo Quyết định số 29/2005/QĐ-BGTVT ngày 18

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về các nội dung của công tác khí tượng hàng không dân dụng bao gồm quan trắc và báo cáo khí tượng, dự báo và cảnh báo khí tượng, khai thác và trao đổi tin tức khí tượng, thống kê lưu trữ và cung cấp số liệu khí hậu; việc cung cấp và tiếp nhận sử dụng dịch vụ khí tượng hàng không; việc đảm bảo kỹ thuật và thông tin liên lạc cho công tác khí tượng hàng không; quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực khí tượng hàng không.
2. Quy chế này áp dụng cho tất cả các nhân viên khí tượng hàng không, nhân viên không lưu, người lái, nhân viên khai thác điều hành bay, lập kế hoạch bay, thông tin, đảm bảo kỹ thuật, không báo, tìm kiếm - cứu nạn và các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài có liên quan đến công tác khí tượng hàng không.

Điều 2. Quy ước viết tắt

Trong Quy chế này, các chữ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. ACC (Area Control Center): Trung tâm kiểm soát không lưu đường dài;
2. ADS (Automatic Dependent Surveillance): Giám sát phụ thuộc tự động;
3. AD WRNG (Aerodrome Warning): Điện văn cảnh báo thời tiết cảng hàng không, sân bay;
4. AFTN (Aeronautical Fixed Telecommunication Network): Mạng thông tin cố định hàng không;
5. AIC (Aeronautical Information Circular): Thông tri không báo hàng không;
6. AIP (Aeronautical Information Publication): Tập thông báo hàng không;
7. AIREP (Air Report): Báo cáo từ tàu bay;
8. AMD TAF (Amendment Aerodrome Forecast): Bản tin dự báo thời tiết sân bay bổ sung;
9. APP (Approach Control Center): Cơ quan kiểm soát tiếp cận;

10. ATIS (Automatic Terminal Information Service): Dịch vụ thông báo tự động tại khu vực sân bay (phát thanh bằng lời);
11. AUTO (Automatic): Chế độ tự động;
12. BKN (Broken): Năm đến bảy phần mây (chỉ lượng mây);
13. CAT (category): Cấp sân bay theo thiết bị dẫn đường cất hạ cánh;
14. D-ATIS (Datalink-Automatic Terminal Information Service): Dịch vụ thông báo tự động tại khu vực sân bay (truyền dữ liệu bằng kỹ thuật số);
15. D-VOLMET (Datalink-Volmet): Dịch vụ thông báo khí tượng cho các chuyến bay đường dài (truyền dữ liệu bằng kỹ thuật số);
16. FIR (Flight Information Region): Vùng thông báo bay;
17. GTS (Global Telecommunication System): Hệ thống viễn thông toàn cầu;
18. ICAO (International Civil Aviation Organization): Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế;
19. IFR (Instruments Flight Rules): Quy tắc bay bằng thiết bị;
20. ISCS (International Sattelite Communication System): Hệ thống thông tin vệ tinh quốc tế;
21. METAR (Routine Observation and Reports): Bản tin báo cáo thời tiết thường lệ tại cảng hàng không, sân bay;
22. MSL (Mean Sea Level): Mức nước biển trung bình;
23. MWO (Meteorological Watch Office): Cơ quan canh phòng thời tiết;
24. NOTAM (Notice To Airmen): Thông báo cho người lái;
25. OPMET (Operational Meteorological Information): Số liệu khí tượng khai thác;
26. OVC (Overcast): Tám phần mây (chỉ lượng mây);
27. QFE (Atmospheric pressure at Aerodrome elevation or at runway threshold): Áp suất khí quyển tại mức cao cảng hàng không, sân bay hoặc tại ngưỡng đường cất hạ cánh;
28. QNH (Altimeter sub-scale setting to obtain elevation when on the ground): Khí áp quy về mực nước biển trung bình theo khí quyển chuẩn;
29. RODB (Regional OPMET Data Bank): Ngân hàng dữ liệu khí tượng khu vực;

- 30. ROBEX (Regional Operational Meteorological Bulletin Exchange): Mạng trao đổi thông tin khí tượng phục vụ hàng không trong khu vực;
- 31. SADIS (Sattelite Distribution): Hệ thống phân phát sản phẩm WAFS bằng vệ tinh;
- 32. SPECI (Special Observation and Reports): Bản tin báo cáo thời tiết đặc biệt tại cảng hàng không, sân bay;
- 33. SYNOP: Số liệu khí tượng bề mặt 3 giờ/lần;
- 34. TAF (Aerodrome Forecast): Bản tin dự báo thời tiết tại cảng hàng không, sân bay;
- 35. TREND: Dự báo thời tiết sân bay có thời gian hiệu lực 1 - 2 giờ phục vụ tàu bay hạ cánh;
- 36. TWR (Tower): Đài kiểm soát tại sân;
- 37. UTC (Universal Time Coordination): Giờ quốc tế;
- 38. VOLMET: Dịch vụ thông báo khí tượng cho các chuyến bay đường dài (phát thanh bằng lời);
- 39. WAFC (World Area Forecast Center): Trung tâm dự báo thời tiết toàn cầu;
- 40. WMO (World Meteorological Organisation): Tổ chức Khí tượng thế giới;
- 41. WS WRNG (Wind Shear Warning): Điện văn cảnh báo hiện tượng gió đứt tầng thấp.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Đường ATS (ATS route):** Tuyến đường được thiết lập nhằm mục đích định hướng luồng không lưu để đảm bảo công tác không lưu;
- 2. Điểm báo cáo (Reporting point):** Vị trí địa lý quy định dựa vào đó để tàu bay báo cáo vị trí;
- 3. Báo cáo từ tàu bay (Airep):** Bản báo cáo từ một tàu bay đang bay tuân theo các yêu cầu về báo cáo vị trí, tình trạng hoạt động hoặc điều kiện khí tượng;
- 4. Bản đồ cao không - Bản đồ mặt đẳng áp (AT):** Bản đồ thời tiết tại các mặt đẳng áp tiêu chuẩn có ghi các số liệu khí tượng quan trắc được tại mặt đẳng áp đó;

5. Bản đồ dự báo thời tiết (Prognostic weather chart): Bản đồ ghi các yếu tố khí tượng mà nhân viên dự báo khí tượng dự báo sẽ xảy ra trong khoảng thời gian nhất định;

6. Bản đồ mặt đất (Surface Wx chart): Bản đồ thời tiết có ghi những số liệu khí tượng quan trắc được từ mặt đất;

7. Bản tin khí tượng (Met.Report): Bản thông báo về điều kiện khí tượng quan trắc được vào một thời gian và ở một địa điểm xác định;

8. Bay chuyên nghiệp (General aviation): Là các chuyến bay phục vụ cho những mục đích kinh tế nhất định không phải là vận chuyển thương mại hàng không như bay huấn luyện, bay chụp ảnh, khảo sát địa hình, tài nguyên, bay phục vụ khai thác dầu khí, bay phục vụ nông nghiệp, bay biểu diễn thể thao, bay tắc xi du lịch, bay thám sát bão và một số hoạt động bay khác;

9. Chuyến bay có kiểm soát (Controlled flight): Bất cứ chuyến bay nào được cung cấp dịch vụ kiểm soát không lưu;

10. Dự báo (Forecast): Điều kiện khí tượng dự kiến sẽ xảy ra tại một thời điểm hay trong một khoảng thời gian xác định và cho một khu vực hay phần vùng trời xác định;

11. Độ cao tương đối (Height): Khoảng cách theo chiều thẳng đứng từ một mực được quy định làm chuẩn đến một mực khác, một điểm hoặc một vật được coi như một điểm;

12. Độ cao tuyệt đối (Altitude): Khoảng cách theo chiều thẳng đứng từ mực nước biển trung bình đến một mực, một điểm hoặc một vật được coi như một điểm;

13. Hồ sơ khí tượng (Flight documentation): Tài liệu viết tay hay in ấn, chứa đựng các thông tin khí tượng phục vụ chuyến bay mà trực ban khí tượng giao cho lái trưởng;

14. Hệ thống dự báo thời tiết toàn cầu (World area forecast system): Hệ thống dự báo toàn cầu trong đó các trung tâm dự báo thời tiết toàn cầu cung cấp các dự báo khí tượng hàng không trên đường bay ở dạng thống nhất đã được tiêu chuẩn hóa;